PHỤ LỤC DỰ KIẾN KẾT QUẢ THU ĐƯỢC TỪ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

LÔ ĐẤT ONT: THUỘC THÔN 2 XÃ IA DOM HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Quyết định số:....QĐ/UBND ngày....tháng..năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

STT	Bản đồ quy hoạch 2016		Diện tích (m2)	Giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019		Giá đất cụ thể		Hệ số điều chỉnh theo Quyết định 52/2021/QĐ-UBND (lần)	Mức tăng giá đất (lần)
	Vị trí - Lô (thửa) đất số	Tên đường		Đơn giá *(đồng/m²)*	Thành tiền *(đồng/thửa)*	Đơn giá *(đồng/m²)*	Thành tiền *(đồng/thửa)*		
0	*(1)*	*(2)*	*(3.00)*	*(4)*	*(5)=(3)x(4)*	*(6)=(4x8)*9*	*(7)=(3)x(6)*	*(8)*	*(9)*
	Lô đất ONT: Từ cầu Suối cát (Km 80 + 843) đến cầu 3 cây (Km 83								
1	Thửa số 1	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
2	Thửa số 2	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
3	Thửa số 3	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
4	Thửa số 4	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
5	Thửa số 5	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
6	Thửa số 6	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
7	Thửa số 7	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
8	Thửa số 8	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
9	Thửa số 9	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
10	Thửa số 10	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
11	Thửa số 11	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
12	Thửa số 12	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
13	Thửa số 13	QL14C	368.40	140,000	51,576,000	770,000	283,668,000	2.20	2.50
14	Thửa số 14	QL14C	368.20	140,000	51,548,000	770,000	283,514,000	2.20	2.50
	Tổng		**5,156**		**721,868,000**		**3,970,274,000**		